TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/DS-PT
Ngày: 23 - 5 - 2022
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản,
Chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thành

Các Thẩm phán: 1. Ông Hồ Văn Phụng

2. Ông Nguyễn Văn Toàn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Trung An – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên – Kiểm sát viên.

Các ngày 16 và 23 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2022/TLPT-DS ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc *"Tranh chấp thừa kế tài sản, chia tài sản chung"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 17-01-2022 của Tòa án nhân dân thành phố S , tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 31/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị Q; địa chỉ: Số x, đường H, khóm m, phường m, thành phố S , tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Vĩnh P, địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Ông Dương Văn H ; địa chỉ: Số x, đường N, khóm b, phường c, thành phố S , tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Hồ Hữu T - Văn phòng Luật sư Đại Hồ thuộc Đòan luật sư thành phố H. Địa chỉ: xx đường Tphường 1, quận n, thành phố H (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Dương T; địa chỉ: Số X, khóm n, phường m, thị xã x, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Tlà: Ông Nguyễn Vĩnh P, địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh

Sóc Trăng (có mặt).

2. Bà Dương Thị H; địa chỉ: Số x, đường N, khóm b, phường c, thành phố S , tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. Bà Dương Thị Mỹ D; địa chỉ: Số 542/123, đường N, khóm b, phường c, thành phố S , tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: số 266/46, đường T, khóm T, phường m, thành phố S , tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

4. Ông Dương B; địa chỉ: Số 292/31, đường L, khóm h, phường b, thành phố S , tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

5. Bà Dương Thị Hồng H (có mặt).

6. Ông Bùi Ngọc T (có mặt).

7. Ông Dương H2 (có mặt).

8. Bà Bùi Thị Huỳnh T (vắng mặt).

9. Ông Thạch Minh K (vắng mặt).

10. Ông Thạch Minh K1 (vắng mặt).

11. Bà Quách Ngọc Bích T (vắng mặt).

12. Bà Sơn Ngọc L (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số x, đường N, khóm b, phường c, thành phố S , tỉnh Sóc Trăng.

Người kháng cáo: Bị đơn Dương Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Dương Thị Mỹ D

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2019 trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Vĩnh P trình bày:*

Cha mẹ nguyên đơn bà Dương Thị Q là ông Dương Q1 (chết năm 1984) và bà Thạch T (chết năm 2017) có tất cả 06 người con chung là ông Dương Tsinh năm 1958, bà Dương Thị Q sinh năm 1959, bà Dương Thị H sinh năm 1961, bà Dương Thị Mỹ D sinh năm 1969, ông Dương B sinh năm 1971 và ông Dương Văn H sinh năm 1974, ngoài ra ông bà không có con nuôi hay con riêng nào khác, khi cha mẹ bà Q qua đời không để lại di chúc hay văn tự gì về khối di sản để lại gồm thửa đất số 60, tờ bản đồ số 06 diện tích 128,3m^2, loại đất ODT, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL667476 số vào sổ H2346 do UBND thành phố S cấp ngày 17/6/2008 cho bà Thạch T đại diện đứng tên cùng đồng sử dụng với 06 anh chị em bà Q, tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp bốn, Số x, đường N, khóm b, phường c, thành phố S , tỉnh Sóc Trăng, sau khi bà L qua đời các con thỏa thuận giao lại căn nhà và đất này cho bà Q, bà Q đồng ý

thối lại giá trị kỷ phần thừa kế cho các anh chị em nhưng ông H không đồng ý, từ đó xảy ra mâu thuẫn.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của cha mẹ bà Dương Thị Q chết để lại là thửa đất số 60, tờ bản đồ số 06 diện tích 128,3m^2, loại đất ODT và căn nhà cấp bốn tại Số x, đường N, khóm b, phường c, thành phố S , tỉnh Sóc Trăng cho 06 anh chị em bà Q, mỗi người hưởng 1/6 kỷ phần như nhau, bà Q yêu cầu được nhận hiện vật vì ông Dương B, Dương T và bà Dương Thị Mỹ D có văn bản thoả thuận giao toàn bộ phần di sản thừa kế và một phần tài sản của ông B, ông T, bà D cho bà Q được thừa hưởng. Vì vậy bà Q yêu cầu được nhận hiện vật và đồng ý thối lại giá trị kỷ phần thừa kế và phần tài sản của ông H, bà H với số tiền mỗi người là 300.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, bị đơn ông Dương Văn H cũng như người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Dương Văn H là ông Hồ Hữu P trình bày:

Ông Dương Văn H thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bà Q về cha mẹ ông là ông Dương Q1 và bà Thạch T gồm có 06 người con chung. Khi còn sống cha mẹ có tạo lập một khối tài sản bao gồm thửa đất số 60, tờ bản đồ số 06 diện tích 128,3m^2, loại đất ODT, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL667476 số vào sổ H2346 do UBND thành phố S cấp ngày 17/6/2008 cho bà Thạch T đại diện đứng tên cùng đồng sử dụng với 06 anh chị em bà Q, tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp bốn, Số x, đường N, khóm b, phường c, thành phố S , tỉnh Sóc Trăng. Hiện nay căn nhà trên do bà H, ông H cùng với bà Dương Thị Hồng H1, Ông Dương H2; Bà Bùi Thị Huỳnh T; Ông Thạch Minh K; Thạch Minh K1; Bà Quách Ngọc Bích T; Bà Sơn Ngọc L đang sinh sống. Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Dương Văn H đang cất giữ.

Nay theo yêu cầu của nguyên đơn, ông H yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật, yêu cầu được nhận hiện vật và thối trả lại kỷ phần thừa kế và phần tài sản cho các đồng thừa kế theo định giá của Hội đồng định giá tổng giá trị là 848.512.856 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị H, cũng như người đại diện theo uỷ quyền của bà Dương Thị H là ông Hồ Hữu P trình bày:

Bà H thống nhất với nguyên đơn cũng như bị đơn là ông Dương Q1 và bà Thạch T gồm có 06 người con chung, về di sản thừa kế. Nay theo yêu cầu của nguyên đơn bà H cho rằng khi cha mẹ còn sống có cho bà căn nhà có diện tích ngang 2,38m, dài 12,8m nằm trong di sản thừa kế mà nguyên đơn yêu cầu. Do đó bà H yêu cầu khi chia di sản thừa kế thì tách phần nhà mà bà H đang ở cho bà H trước khi chia thừa kế cho các đồng thừa kế khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương T là ông

Nguyễn Vĩnh P trình bày: ông T thống nhất với lời trình của nguyên đơn, ông T có xác lập văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế và phần tài sản trong quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Dương B trình bày: ông B không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông B có xác lập văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế là giao toàn bộ kỷ phần thừa kế và phần tài sản trong quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung cho bà Q.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Bùi Ngọc T trình bày: ông T thống nhất với lời trình bày của bà Hường.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Dương Thị Hồng H1, Ông Dương H2; Bà Bùi Thị Huỳnh T; Ông Thạch Minh K; Ông Thạch Minh K1; Bà Quách Ngọc Bích T; Bà Sơn Ngọc L không có ý kiến cũng như văn bản trả lời.

* Sự việc được Tòa án nhân dân thành phố S , tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết. Tại nảm án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2022 đã quyết định: Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 207, 212, 219, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Q

- Chia di sản thừa kế và tài sản chung đối với căn nhà và đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 06 diện tích 128,3m^2, loại đất ODT, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL667476 số vào sổ H2346 do UBND thành phố S cấp ngày 17/6/2008 cho bà Thạch T đại diện đứng tên cùng đồng sử dụng với 06 anh chị em bà Q, tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp bốn, Số x, đường N, khóm b, phường c, thành phố S , tỉnh Sóc Trăng cho 06 người con của ông Q1 và bà L thành 06 phần bằng nhau gồm: ông Dương T, bà Dương Thị Q, bà Dương Thị H, bà Dương Thị Mỹ D, ông Dương B và ông Dương Văn H .

- Bà Q được nhận 03 kỷ phần thừa kế và phần tài sản chung do ông Dương T, Dương B và Dương Thị Mỹ D giao lại cho bà Q và 01 kỷ phần của bà Q.

- Giao cho bà Dương Thị Q căn nhà và đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 06 diện tích 128,3m^2, loại đất ODT, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL667476 số vào sổ H2346 do UBND thành phố S cấp ngày

17/6/2008 cho bà Thạch T đồng sử dụng với Dương T, Dương Thị Q, Dương Thị H, Dương Thị Mỹ D, Dương B, Dương Văn H, tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp bốn, Số x, đường N, khóm b, phường c, thành phố S , tỉnh Sóc Trăng..

- Buộc ông Dương Văn H, bà Dương Thị H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Dương Thị Hồng H1, Ông Bùi Ngọc T; Ông Dương H2; Bà Bùi Thị Huỳnh T; Ông Thạch Minh K; Ông Thạch Minh K1; Bà Quách Ngọc Bích T; Bà Sơn Ngọc L cùng có trách nhiệm giao căn nhà và đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 06 diện tích 128,3m^2, loại đất ODT, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL667476 số vào sổ H2346 do UBND thành phố S cấp ngày 17/6/2008 cho bà Thạch T đồng sử dụng với Dương T, Dương Thị Q, Dương Thị H, Dương Thị Mỹ D, Dương B, Dương Văn H, tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp bốn, Số x, đường N, khóm b, phường c, thành phố S , tỉnh Sóc Trăng cho bà Dương Thị Q.

- Buộc bà Dương Thị Q có nghĩa vụ giao trả cho bà Dương Thị H số tiền 350.000.000 đồng, ông Dương Văn H số tiền 300.000.000 đồng.

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán, bà Dương Thị Q có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo quy định của pháp luật

* Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

* Ngày 27/01/2022 Ông Hồ Hữu P đại diện theo ủy quyền của bị đơn Dương Văn H có đơn kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án số 02/2022/DS-ST ngày 17-01-2022 của Tòa án nhân dân thành phố S để xét xử lại nhằm đảm bảo quyền lợi cho tất cả đương sự liên quan vụ án.

* Ngày 27/01/2022 người có quyền lơi, nghĩa vụ liên quan Dương Thị Mỹ D có đơn kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án số 02/2022/DS-ST ngày 17-01-2022 của Tòa án nhân dân thành phố S để xét xử lại nhằm đảm bảo quyền lợi cho tất cả đương sự liên quan vụ án.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022 người có quyền lơi, nghĩa vụ liên quan Dương Thị Mỹ D có Đơn xin rút lại đơn kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà vì bà và nguyên đơn đã tự thỏa thuận với nhau.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ

vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 289 đình chỉ xét xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Dương Thị Mỹ D và không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn Dương Văn H, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương B; Bà Dương Thị Hồng H1, Ông Bùi Ngọc T; Ông Dương H2; Bà Bùi Thị Huỳnh T; Ông Thạch Minh K; Ông Thạch Minh K1; Bà Quách Ngọc Bích T; Bà Sơn Ngọc L đã được Toà án tống đạt hợp lệ các quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự thủ tục tố tụng nhưng phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người nêu trên.

[2] Ngày 23 tháng 3 năm 2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Thị Mỹ D có Đơn xin rút lại đơn kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà vì bà và nguyên đơn đã tự thỏa thuận với nhau. Đây là sự tự nguyện của bà Dương Thị Mỹ D Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố Tụng Dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Dương Thị Mỹ D

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn Dương Văn H thay đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo như sau: Kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xem xét chấp thuận cho bị đơn được nhận di sản bằng hiện vật, bị đơn thanh toán cho các kỷ phần di sản mỗi kỷ phần là 300.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu kháng cáo của bị đơn không vượt phạm vi kháng cáo ban đầu, phù hợp với qui định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn Dương Văn H Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Các đương sự đều thừa nhận ông Dương Q1 và bà Thạch T có 06 người con tên ông Dương Tsinh năm 1958, bà Dương Thị Q sinh năm 1959, bà Dương Thị H sinh năm 1961, bà Dương Thị Mỹ D sinh năm 1969, ông Dương B sinh năm 1971 và ông Dương Văn H sinh năm 1974, ngoài ra ông bà không có con nuôi hay con riêng nào khác nên Hội đồng xét xử xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà L gồm ông T, bà Q, bà H, bà D, ông B, ông H.

[4.2] Các đương sự cũng đều thừa nhận: Khi còn sống ông Dương Q1 và bà Thạch T có tạo lập tài sản là căn nhà gắn liền thửa đất số 60, tờ bản đồ số 06 diện tích 128,3m^2. Khi ông Dương Q1 chết, tài sản để lại cho bà L cùng các con sử dụng, đến năm 2008 thì bà L cùng những người con tiến hành kê khai tài sản và cùng đứng tên đồng sử dụng là căn nhà và đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số

06 diện tích 128,3m^2, loại đất ODT, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL667476 số vào sổ H2346 do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp ngày 17/6/2008 cho bà Thạch T đại diện đứng tên cùng đồng sử dụng với 06 anh chị em bà Q, tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp bốn, Số x, đường N, khóm b, phường c, thành phố S , tỉnh Sóc Trăng.

[5] Phần tài sản trên chưa chia thừa kế nên phần tài sản của ông Q1 để lại là tài sản chung của bà L cùng các con. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử xác định đây là di sản của bà L và phần tài sản chung theo quy định tại Điều 212, Điều 612 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về phân chia di sản thừa kế: Theo khoản 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định *"Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau"*. Do đó, Hội đồng xét xử xác định di sản thừa kế nêu trên được chia thành 06 kỷ phần bằng nhau, mỗi người thừa kế được hưởng 01 kỷ phần.

[6.1] Đối với ông Dương T, ông Dương B và bà Dương Thị Mỹ D có văn bản thoả thuận phân chia di sản có chứng thực của UBND Phường c, thành phố S với nội dung: ông Dương T, ông Dương B và bà Dương Thị Mỹ D giao toàn bộ di sản thừa kế và phần tài sản trong quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Dương Thị Q được thừa hưởng, văn bản này do các bên tự nguyện thoả thuận, có chứng thực của UBND phường 9 thành phố S nên có giá trị pháp lý. Vì vậy nguyên đơn bà Q được hưởng 04 kỷ phần thừa kế.

[6.2] Xét thấy, nguyên đơn, bị đơn đều có nguyện vọng được nhận hiện vật, tuy nhiên căn nhà và đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 06 diện tích 128,3m^2, loại đất ODT, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL667476 số vào sổ H2346 do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp ngày 17/6/2008 cho bà Thạch T đại diện đứng tên cùng đồng sử dụng với 06 anh chị em bà Q, tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp bốn, tọa lạc tại Số x, đường N, khóm b, phường c, thành phố S , tỉnh Sóc Trăng có diện tích nhỏ không thể chia bằng hiện vật cho nguyên đơn cũng như bị đơn.

[6.3] Về giá trị di sản thừa kế: Theo định giá của Hội đồng định giá tài sản thì căn nhà và đất nêu trên có giá trị là 848.512.856 đồng, các đương sự đều thống nhất giá trị nêu trên, không yêu cầu Toà án định giá lại. Phía nguyên đơn có nguyện vọng được nhận hiện vật và đưa ra giá trị toàn bộ căn nhà và đất trên có giá 1.800.000.000 đồng.

[6.4] Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm bị đơn cũng có yêu cầu nhận di sản thừa kế bằng hiện vật và thối lại kỷ phần cho các thừa kế khác theo giá trị đã định giá là 848.512.856 đồng, nhưng nguyên đơn đưa ra giá trị là 1.800.000.000 đồng và nguyên đơn có yêu cầu nhận hiện vật, nguyên đơn thối lại cho các đồng thừa kế khác với mỗi kỷ phần là 300.000.000 đồng. Ngoài ra, nguyên đơn được hưởng 04 kỷ phần thừa kế là phần tài sản của ông T, ông B, bà D được hưởng nhưng đồng ý giao cho nguyên đơn.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cho rằng giá trị tài sản thừa kế là hơn 1.800.000.000 đồng nhưng bị đơn đưa ra giá 1.800.000.000 đồng là bằng giá trị

nguyên đơn đưa ra ban đầu để yêu cầu được nhận hiện vật. Xét thấy, tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất giá trị tài sản là 1.800.000.000 đồng và không yêu cầu định giá lại theo giá thị trường, do đó Hội đồng xét xử không tiến hành định giá lại và xác định giá trị tài sản thừa kế là 1.800.000.000 đồng.

[8] Xét yêu cầu xin nhận hiện vật của bị đơn thấy rằng ở giai đoạn xét xử sơ thẩm bị đơn cũng đưa ra yêu cầu này, nhưng bị đơn chỉ đồng ý thối lại giá trị cho các thừa kế khác theo giá trị đã định giá là 848.512.856 đồng, còn nguyên đơn đưa ra giá trị là 1.800.000.000 đồng. Ngoài ra, nguyên đơn được hưởng 04 kỷ phần thừa kế là phần tài sản của ông T, ông B, bà D được hưởng nhưng đồng ý giao cho nguyên đơn. Do đó, cấp sơ thẩm giao cho nguyên đơn nhận hiện vật là phù hợp với qui định pháp luật và có lợi cho các đồng thừa kế khác. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn đồng ý tăng giá trị tài sản thừa kế lên 1.800.000.000 đồng cho bằng với giá do nguyên đơn đưa ra để được nhận hiện vật là không có cơ sở và tại Biên bản xác minh ngày 07/4/2022 hiện nay bị đơn cũng không bức xúc về nhà ở theo xác nhận của Trưởng khóm 4, phường 8, thành phố S . Đối với bà Dương Thị H hiện nay không có chổ ở nào khác nhưng sau khi xét xử sơ thẩm bà H không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn Dương Văn H là không có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[10] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn Hùng phải chịu án phí phúc thẩm theo qui định, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà D phải chịu 50% án phí phúc thẩm theo qui định.

[11] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[12] Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308, Khoản 1 Điều 148, Khoản 6 Điều 313, điểm b, khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố Tụng Dân sự của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Khoản 1, khoản 4 Điều 29 Nghị quyết 326 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Dương Thị Mỹ D

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Dương Văn H

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 17/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố S , tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 207, 212, 219, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Q

- Chia di sản thừa kế và tài sản chung đối với căn nhà và đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 06 diện tích 128,3m^2, loại đất ODT, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL667476 số vào sổ H2346 do UBND thành phố S cấp ngày 17/6/2008 cho bà Thạch T đại diện đứng tên cùng đồng sử dụng với 06 anh chị em bà Q, tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp bốn, Số x, đường N, khóm b, phường c, thành phố S , tỉnh Sóc Trăng cho 06 người con của ông Q1 và bà L thành 06 phần bằng nhau gồm: ông Dương T, bà Dương Thị Q, bà Dương Thị H, bà Dương Thị Mỹ D, ông Dương B và ông Dương Văn H .

- Bà Q được nhận 03 kỷ phần thừa kế và phần tài sản chung do ông Dương T, Dương B và Dương Thị Mỹ D giao lại cho bà Q và 01 kỷ phần của bà Q.

- Giao cho bà Dương Thị Q căn nhà và đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 06 diện tích 128,3m^2, loại đất ODT, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL667476 số vào sổ H2346 do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp ngày 17/6/2008 cho bà Thạch T đồng sử dụng với Dương T, Dương Thị Q, Dương Thị H, Dương Thị Mỹ D, Dương B, Dương Văn H, tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp bốn, Số x, đường N, khóm b, phường c, thành phố S , tỉnh Sóc Trăng..

2. Buộc ông Dương Văn H, bà Dương Thị H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Dương Thị Hồng H1, Ông Bùi Ngọc T; Ông Dương H2; Bà Bùi Thị Huỳnh T; Ông Thạch Minh K; Ông Thạch Minh K1; Bà Quách Ngọc Bích T; Bà Sơn Ngọc L cùng có trách nhiệm giao căn nhà và đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 06 diện tích 128,3m^2, loại đất ODT, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL667476 số vào sổ H2346 do Ủy ban nhân dân thành phố S cấp ngày 17/6/2008 cho bà Thạch T đồng sử dụng với Dương T, Dương Thị Q, Dương Thị H, Dương Thị Mỹ D, Dương B, Dương Văn H, tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp bốn, Số x, đường N, khóm b, phường c, thành phố S , tỉnh Sóc Trăng cho bà Dương Thị Q.

3. Buộc bà Dương Thị Q có nghĩa vụ giao trả cho bà Dương Thị H số tiền

350.000.000 đồng, ông Dương Văn H số tiền 300.000.000 đồng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán, bà Dương Thị Q có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo quy định của pháp luật.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng chi phí số tiền là 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng). Bà Dương Thị Q đồng ý chịu toàn bộ và đã thực hiện xong.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị Q, bà Dương Thị H được miễn toàn bộ. Hoàn trả cho bà Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo Biên lai thu số 0004942 ngày 21/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S . Ông H phải chịu số tiền 15.000.000 đồng.

7. Về án phí phúc thẩm:

7.1. Bị đơn Dương Văn H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000246 ngày 11/02/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố S , tỉnh Sóc Trăng. Như vậy ông H đã nộp đủ.

7.2. Bà Dương Thị Mỹ D phải chịu 150.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng 300.000 đồng, bà D được nhận lại số tiền nộp thừa là 150.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000247 ngày 11/02/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố S , tỉnh Sóc Trăng.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND TP S;
- Chi cục THADS TP S;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Thành